

PHỤ LỤC 02

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Đơn giá (đồng)
I	Thời điểm định giá ngày 06/09/2019		
1	Cây Dầu Rái, cao $\geq 4\text{m}$, Đk gốc 10-12cm	cây	
2	Cây Giáng Hương, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk gốc 8-10cm	cây	
3	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
4	Cây Sanh 5 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
5	Cây Sanh 9 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc $\geq 17\text{cm}$	cây	
6	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	chậu	
7	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m, Đk 8-10cm	cây	
8	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
II	Thời điểm định giá ngày 01/07/2019		
9	Cây Hoàng Hậu, cao $\geq 4\text{m}$, Đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
10	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
11	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	chậu	
12	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
13	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
III	Thời điểm định giá ngày 05/06/2020		
14	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.6\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
15	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
16	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
IV	Thời điểm định giá ngày 01/10/2020		
17	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.6\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
18	Cây Giáng Hương, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk gốc 8-10cm	cây	
19	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
20	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
21	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
V	Thời điểm định giá ngày 05/07/2021		
22	Cây Sanh Giáng Long, cao $\geq 1.6\text{m}$, Đk gốc $\geq 20\text{cm}$	cây	
23	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, cao $\geq 1.6\text{m}$	cây	
24	Cây Bông Giấy Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
25	Cây Sanh Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
26	Cây Sanh 5 tầng, cao $\geq 1.6\text{m}$, đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	

27	Cỏ Nhật	m2	
28	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VI	Thời điểm định giá ngày 10/09/2021		
29	Cây Sứ Đại hồng, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk cổ rễ $\geq 12\text{cm}$	cây	
30	Cây Sứ Đại trắng, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk cổ rễ $\geq 12\text{cm}$	cây	
31	Cây Tùng Búp, cao $\geq 0.8\text{m}$; đk tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
32	Cây Trang Đỏ (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
33	Cây Tường Vi (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
34	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
35	Cỏ Nhung	m2	
36	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
37	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VII	Thời điểm định giá ngày 13/09/2021		
38	Cây Phát Tài Núi, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk gốc $\geq 14\text{cm}$	cây	
39	Cây Chà Là cảnh, cao $\geq 1.5\text{m}$, Đk gốc 8-10cm	cây	
40	Cây Kê Nhật, cao $\geq 1\text{m}$; đk gốc 8-10cm	cây	
41	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, cao $\geq 1.6\text{m}$	cây	
42	Cây Mai Vạn Phúc cắt col, đường kính tán $\geq 0.6\text{m}$	cây	
43	Cây Tuyết Sơn cắt col, đường kính tán $\geq 0.6\text{m}$	cây	
44	Cây Dừa Nam Mỹ, đường kính tán $\geq 0.4\text{m}$	cây	
45	Cây Lan Chu Đình (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	
46	Cây Mai Vạn Phúc (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	
47	Cây Dương Xỉ (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	
48	Cây Diệu Đỏ (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
49	Cây Trâm ôi Đỏ (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
50	Cây Đông Hài Kem (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
51	Cây Hoa Thanh Tú (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
52	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 2500 cây/100m2)	cây	
53	Cỏ Nhung	m2	
54	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
55	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VIII	Thời điểm định giá ngày 13/09/2021		
56	Cây Chà Là cảnh, cao $\geq 1.5\text{m}$, Đk gốc 8-10cm	cây	

57	Cây Vạn Tuế cao 0.7-1.2m, đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
----	---	-----	--

58	Cây Kè Nhật, cao $\geq 1\text{m}$; đk gốc 8-10cm	cây	
59	Cây Mai Vạn Phúc cắt col, đường kính tán $\geq 0.6\text{m}$	cây	
60	Cây Tuyết Sơn cắt col, đường kính tán $\geq 0.6\text{m}$	cây	
61	Cây Dừa Nam Mỹ, đường kính tán $\geq 0.4\text{m}$	cây	
62	Cây Lan Chu Đình (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
63	Cây Dương Xỉ (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
64	Cây Dừa Vạn Phát (mật độ 2500 cây/100m ²)	cây	
65	Cây Diêu Đỏ (mật độ 2500 cây/100m ²)	cây	
66	Cây Trâm ôi Đỏ (mật độ 2500 cây/100m ²)	cây	
67	Cây Đông Hầu Kem (mật độ 2500 cây/100m ²)	cây	
68	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 2500 cây/100m ²)	cây	
69	Cỏ Nhung	m ²	
70	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
71	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
IX	Thời điểm định giá ngày 12/05/2022		
72	Cây Bông Giấy Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, Đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
73	Cây Sanh Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
74	Cây Sanh 5 tầng, cao $\geq 1.6\text{m}$, đk gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
75	Cỏ Nhật	m ²	
76	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
X	Thời điểm định giá ngày 01/08/2023		
77	Cây Bằng Lăng (cao $\geq 4\text{m}$, đường kính gốc $\geq 40\text{cm}$)	cây	
78	Cây Sứ Đại (cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$)	cây	
79	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức (cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc (thân chính) $\geq 30\text{cm}$)	cây	
80	Cây Phát Tài Núi, cao $\geq 3.0\text{m}$, Đk gốc $\geq 14\text{cm}$	cây	
81	Cây Nguyệt Quế cắt col, đường kính tán $\geq 0.7\text{m}$	cây	
82	Cây Bông Giấy Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, Đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
83	Cây Dừa Nam Mỹ, đường kính tán $\geq 0.4\text{m}$	cây	
84	Cây Dừa Vạn Phát (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
85	Cây Hoa Thanh Tú (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
86	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
87	Cây Bạch Trinh (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
88	Cây Đông Hầu kem (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
89	Cây Trâm ôi đỏ (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
90	Cây lải Tây (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
91	Cây Trâm ôi vàng (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
92	Cỏ Nhung Nhật	m ²	
93	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
94	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	

TỔNG CỘNG: 94 mục./.